

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN THỚI LAI
THÀNH PHỐ CẦN THƠ**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 15/2022/HNGĐ-ST

Ngày 07/4/2022

V/v “*Tranh chấp ly hôn*”

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN THỚI LAI, THÀNH PHỐ CẦN THƠ

- Với thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Hồ Giúp Đỡ

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Lý Hồng Hạnh

Ông Trần Văn Mới

- Thư ký phiên tòa: Ông Nguyễn Phục Hưng - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Thới Lai, thành phố Cần Thơ.

Ngày 07 tháng 4 năm 2022, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Thới Lai xét xử sơ thẩm công khai vụ án hôn nhân gia đình thụ lý số: 55/2022/TLST-HNGĐ ngày 23 tháng 02 năm 2022 về việc “*Tranh chấp ly hôn*” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 101/2022/QĐXXST-HN ngày 22 tháng 3 năm 2022 và Quyết định hoãn phiên tòa số 118/2022/QĐST-HNGĐ ngày 01 tháng 4 năm 2022, giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Bà Nguyễn Thị H, sinh năm 1981 (có mặt)

Địa chỉ: ấp Thới B, xã Thới T, huyện Thới L, thành phố Cần Thơ.

Bị đơn: Ông **Nguyễn Thanh T**, sinh năm 1978 (vắng mặt)

Địa chỉ: ấp Thới B, xã Thới T, huyện Thới L, thành phố Cần Thơ.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện ngày 14/02/2022 và quá trình giải quyết vụ án nguyên đơn Bà Nguyễn Thị H trình bày:

Bà và ông Nguyễn Thanh T tự nguyện tiến tới hôn nhân có đăng ký kết hôn và đã được UBND xã Thới T, huyện M, tỉnh Cần Thơ (cũ) cấp giấy chứng nhận kết hôn ngày 31/01/2001.

Quá trình chung sống gia đình rất hạnh phúc nhưng đến năm 2014 thì phát sinh nhiều mâu thuẫn do bất đồng quan điểm sống. Ông T thường xuyên ăn nhậu kiếm chuyện chửi bà, mặc dù bà nhiều lần khuyên can nhưng ông T vẫn không thay đổi. Trước đây khoảng năm 2020 thì bà cũng có yêu cầu Tòa án giải quyết ly hôn với ông T, khi đó ông T có hứa sẽ sửa đổi nên bà đã rút đơn yêu cầu ly hôn. Sau khi rút đơn yêu cầu ly hôn, ông T có sửa đổi được một tháng thì tiếp tục ăn nhậu chửi bà. Bà và ông T đã có thời thời gian dài sống ly thân từ năm 2020 cho đến nay để có thời gian suy nghĩ và tìm biện pháp hàn gắn hạnh phúc

gia đình. Tuy nhiên, kể từ khi ly thân đến nay ông, bà vẫn không hàn gắn được hạnh phúc gia đình mà mâu thuẫn ngày càng trầm trọng hơn nên bà làm đơn yêu cầu Tòa án giải quyết cho bà được ly hôn với ông Nguyễn Thanh T.

Về con chung: Có 03 con chung tên Nguyễn Thanh D (nam), sinh ngày 18/5/2002, Nguyễn Mai H (nữ), sinh ngày 30/12/2003 và Nguyễn Thị Huỳnh N (nữ), sinh ngày 27/9/2014. Hiện nay cháu N đang sống với bà và cháu cũng có nguyện vọng sống với bà nên bà yêu cầu được tiếp tục nuôi cháu N, không yêu cầu ông T phải cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung: Tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về nợ chung: Không có

Tại phiên tòa:

Nguyên đơn vẫn giữ nguyên yêu cầu được ly hôn với ông Nguyễn Thanh T và yêu cầu được trực tiếp nuôi con chưa thành niên là cháu Nguyễn Thị Huỳnh N, không yêu cầu ông T phải cấp dưỡng nuôi con. Về tài sản chung tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết, nợ chung không có.

Bị đơn vắng mặt tại phiên tòa.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Căn cứ vào tài liệu, chứng cứ đã được xem xét tại phiên tòa, kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thẩm quyền: Căn cứ vào yêu cầu của đương sự và nơi cư trú của bị đơn thì vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Thới Lai theo quy định tại khoản 1 Điều 28, Điều 35 và Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự. Trong quá trình giải quyết vụ án bị đơn đã được triệu tập hợp lệ nhiều lần nhưng vẫn vắng mặt không lý do nên Tòa án căn cứ Điều 227 của Bộ luật tố tụng dân sự xét xử vắng mặt bị đơn.

[2] Xét yêu cầu ly hôn của nguyên đơn: Căn cứ vào những tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ và lời trình bày của đương sự tại phiên tòa hôm nay cho thấy: Hôn nhân giữa bà H và ông T là do tự nguyện nên khi về chung sống ông, bà cũng có thời gian hạnh phúc, nhưng sau đó sau phát sinh mâu thuẫn do bất đồng quan điểm sống. Đến nay bà H xác định không còn tình cảm với ông T và không thể hàn gắn được nữa nên bà yêu Tòa án giải quyết cho bà được ly hôn với ông T. Đối với ông T, mặc dù đã được Tòa án triệu tập hợp lệ nhiều lần và biết bà H xin ly hôn với ông nhưng ông vẫn không đến Tòa để trình bày ý kiến của ông đối với yêu cầu của nguyên đơn. Điều đó cho thấy ông đã mặc nhiên thừa nhận vợ chồng có mâu thuẫn và ông cũng không mong muốn được hàn gắn tình cảm vợ. Do đó, yêu cầu ly hôn của bà H đối với ông T là có cơ sở chấp nhận.

[3] Về con chung: Ông, bà có 03 con chung tên Nguyễn Thanh D (nam), sinh ngày 18/5/2002, Nguyễn Mai H (nữ), sinh ngày 30/12/2003 và Nguyễn Thị Huỳnh N (nữ), sinh ngày 27/9/2014. Hiện nay cháu N do bà H trực tiếp nuôi dưỡng và cháu cũng có nguyện vọng sống với bà H nên tiếp tục giao cháu N cho

bà H nuôi dưỡng là phù hợp. Vấn đề cấp dưỡng nuôi con do bà H không yêu cầu nên không đặt ra xem xét. Đối với cháu Duy và cháu Hân đã trưởng thành nên không xem xét.

[4] Về tài sản chung: Bà H xác định có tài sản chung nhưng tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết. Tuy nhiên, do xét xử vắng mặt ông T nên không biết ý kiến của ông như thế nào về tài sản chung nên không xem xét, nếu sau này có tranh chấp và có đơn kiện sẽ giải quyết thành vụ kiện khác.

[5] Về nợ chung: Bà H xác định không có nên không xem xét, nếu sau này có tranh chấp và có đơn kiện sẽ giải quyết thành vụ kiện khác.

[6] Về án phí hôn nhân: Nguyên đơn phải chịu theo quy định.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ: Khoản 1 Điều 28, Điều 35, Điều 39, Điều 147 và Điều 227 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015;

Điều 56, Điều 81, Điều 82 và Điều 83 của Luật hôn nhân và gia đình năm 2014;

Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về án phí, lệ phí Tòa án.

Tuyên xử: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

1. Về hôn nhân: Chấp nhận yêu cầu ly hôn của Bà Nguyễn Thị H đối với ông Nguyễn Thanh T.

2. Về con chung: Giao cháu Nguyễn Thị Huỳnh N (nữ), sinh ngày 27/9/2014 cho bà H trực tiếp nuôi dưỡng, ông T không phải cấp dưỡng nuôi con. Dành quyền thăm nom, chăm sóc, giáo dục con chung cho ông T không ai được quyền ngăn cản. Để bảo đảm quyền lợi của trẻ, theo yêu cầu của một hoặc hai bên, Tòa án có thể quyết định thay đổi người trực tiếp nuôi con.

3. Về tài sản chung: Bà H xác định có tài sản chung nhưng tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết. Tuy nhiên, do xét xử vắng mặt ông T nên không biết ý kiến của ông như thế nào về tài sản chung nên không xem xét, nếu sau này có tranh chấp và có đơn kiện sẽ giải quyết thành vụ kiện khác.

4. Về nợ chung: Bà H xác định không có nên không xem xét, nếu sau này có tranh chấp và có đơn kiện sẽ giải quyết thành vụ kiện khác.

5. Về án phí hôn nhân sơ thẩm: 300.000đồng, bà H phải chịu. Bà H được khấu trừ tiền tạm ứng án phí 300.000đồng đã nộp theo biên lai thu số 0005278 ngày 22/02/2022 của Chi cục thi hành án dân sự huyện Thới Lai, thành phố Cần Thơ thành án phí.

6. Về quyền kháng cáo: Nguyên đơn có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Bị đơn có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày

nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- TAND TP. Cần Thơ;
- VKSND H. Thới Lai;
- THADS H. Thới Lai;
- UBND nơi đăng ký kết hôn;
- Dương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Hồ Giúp Đỡ